

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ -PT

Ngày: 22-01-2021

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý **số 25/2020/TLPT-HNGĐ** ngày **08 tháng 12** năm 2020, về “*Tranh chấp ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 402/2020/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 46/2020/QĐPT-HNGĐ ngày **17 tháng 12** năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Tấn Đ, sinh năm 1986.

Trú tại: ấp Phương H1, xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Thị K, sinh năm 1992.

Trú tại: ấp Phương H1, xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang

Chỗ ở hiện nay: ấp 7, xã Vĩnh Hòa Hưng N, huyện Gò Q, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

- Người kháng cáo: Ông Trần Tấn Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn nguyên đơn ông Trần Tấn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông Trần Tấn Đ và bà Thị K tự quen biết, tìm hiểu, được gia đình hai bên chấp nhận nhưng không có tổ chức lễ cưới. Năm 2014 thì thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang. Trong thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau

thì phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng, làm cho hôn nhân không hạnh phúc dẫn đến đã ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Tấn Đ xin ly hôn với bà Thị K.

Về con chung, trong thời gian chung sống ông Đ và bà K có 01 con chung tên Trần Minh Kh (giới tính nam), sinh ngày 05/9/2014 hiện tại đang sinh sống cùng bà K từ tháng 02/2020 cho đến nay, sau khi ly hôn ông dành quyền nuôi con chung không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung không có.

Bị đơn bà Thị K trình bày: Về quan hệ hôn nhân, bà và ông Trần Tấn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương B, huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang vào năm 2014. Trong thời gian chung sống bà và ông Đ xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc trong thời gian dài và đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Bà đồng ý ly hôn với ông Đ; Về con chung: có 01 con chung: cháu Trần Minh Kh (giới tính Nam bà yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không có.

Luật sư Võ Chí Th trình bày: Về con chung nguyên đơn có điều kiện đầy đủ để nuôi con chung do có chỗ ở ổn định, thời gian làm việc tự chủ, thu nhập bình quân 300.000 đồng/ngày, môi trường giáo dục, vui chơi gần nhà nên thuận tiện cho việc chăm sóc, giáo dục con chung đề nghị giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Đối với bị đơn, giờ giấc làm việc không thể tự chủ do đi làm thuê, thu nhập bình quân 220.000 đồng/ngày, môi trường làm việc ô nhiễm, môi trường giáo dục thì xa nhà, không có thời gian nhiều để chăm sóc con chung. Do đó, nếu giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng thì không đảm bảo cho trẻ phát triển.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 402/2020/HNGĐ -ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phụng H, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Tấn Đ được ly hôn với bị đơn bà Thị K.

Về con chung: Bà Thị K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Kh (giới tính nam), sinh ngày 05/9/2014 đến khi trưởng thành, ông Trần Tấn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà K chưa yêu cầu.

Dành quyền trông nom, chăm sóc con chung cho ông Trần Tấn Đ không ai được quyền ngăn cản.

Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, nguyên đơn ông Trần Tấn Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. **Nội dung kháng cáo:** Việc Tòa án nhân dân huyện Phụng H giao con chung cho bà Thị K trực tiếp nuôi dưỡng là chưa thật sự xem xét đầy đủ khách quan các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bà K không đủ điều kiện để đảm bảo nuôi dưỡng, chăm sóc tốt cho cháu Kh. Ông Đ cho rằng ông có điều kiện chăm sóc con tốt hơn, có việc làm ổn định (mở tiệm hớt tóc tại nhà), có nhiều thời gian chăm sóc con. Bà K thì ngày làm việc 08 tiếng, phải đi làm xa nhà cha, mẹ ruột, sáng 06 giờ 30 phải có mặt tại nơi làm việc, giữa nơi làm việc và nơi ở của cha, mẹ ruột mất 01 tiếng chạy xe máy. Việc chăm sóc con bà K giao cho mẹ ruột chứ không trực tiếp chăm sóc. Ông Đ yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con, nơi ông ở gần trường học, trạm xá, đường xá thông thoáng thuận tiện cho con đi học, có chỗ ở ổn định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không đủ điều kiện tốt để chăm sóc con chung do bị đơn đi làm xa nhà, không trực tiếp chăm sóc con chung mà gửi con cho bà ngoại chăm sóc, thu nhập của nguyên đơn ổn định, công việc hớt tóc tại nhà có thể chủ động thời gian chăm sóc con, nhà lại gần trường học.

Bị đơn không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại tòa có mặt con của nguyên đơn và bị đơn là cháu Trần Minh Kh, sinh năm 2014, khi được hỏi tham khảo ý kiến của cháu thì cháu trình bày có nguyện vọng được sống cùng cha.

Sau khi nghe Hội đồng xét xử giải thích: Nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm thỏa thuận bị đơn đồng ý để con chung cho nguyên đơn là ông Đ nuôi dưỡng nhưng để cho bé học hết lớp 1 (hiện bé đang học lớp 1, học kỳ 1) mới chuyển trường về ở với ông Đ, bà K không phải cấp dưỡng nuôi con, bà K được quyền tới lui thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu: Về thủ tục tố tụng, từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc bị đơn đồng ý giao con chung cho nguyên đơn là ông Đ nuôi dưỡng sau khi con chung là cháu Kh học hết lớp một, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Tấn Đ kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Tấn Đ và bị đơn bà Thị K tự nguyện thỏa thuận: Bà K đồng ý giao cháu Kh cho ông Đ nuôi dưỡng sau khi cháu Kh học hết lớp một, bà K không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền tới lui, thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận. Do vậy, không xét kháng cáo của nguyên đơn.

Các vấn đề khác trong vụ án, đương sự không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo nên phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 272 và Điều 273, Điều 300, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị Quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn về việc giao con cho nguyên đơn nuôi dưỡng.

Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 402/2020/HNGĐ -ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Trần Tấn Đ được ly hôn với bị đơn bà Thị K.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn Ông Trần Tấn Đ và bị đơn bà Thị K: Ông Đ được quyền nuôi dưỡng cháu Trần Minh Kh (giới tính nam), sinh ngày 05/9/2014 sau khi cháu Kh học hết lớp một cho đến khi trưởng thành, bà K chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông Đ chưa yêu cầu. Bà K được quyền trông nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Tấn Đ phải chầu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chuyển 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Trần Tấn Đ nộp theo biên lai số 0002712 ngày 11/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp thành án phí, nguyên đơn không phải nộp thêm.

3. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần Tấn Đ phải chịu 300.000đồng, ông Đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005809 ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng H thành án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/01/2021).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. Phụng H;
- Chi cục THADS H. Phụng H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông